WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Shinhan Securities

Tuần 52, 31/12/2025

Tuần giao dịch dễ chịu cuối cùng năm dương lịch

Tiêu điểm:

- Biên bản họp tháng 12/2025 của FED cho thấy khả năng sẽ có 1 đợt giảm lãi suất trong năm 2026
- Ông Lê Mạnh Hùng, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam (PVN), được Thủ tướng điều động về công tác tại Bộ Công thương, giao quyền Bộ trưởng Công Thương.

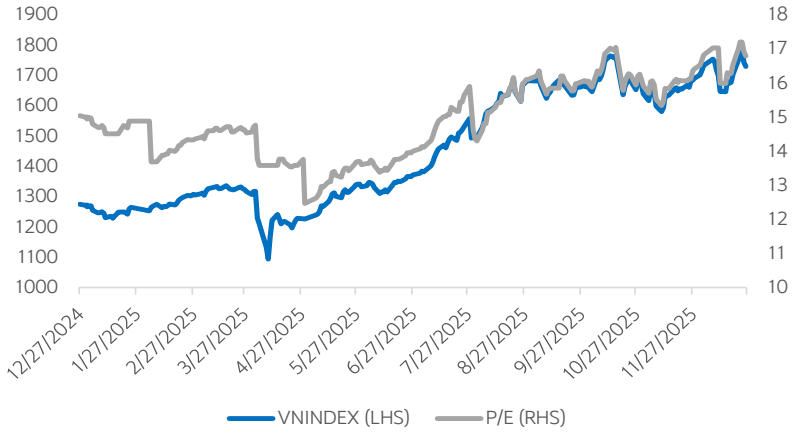
Đánh giá: Trong tuần qua, thị trường có nhịp tăng tốt được dẫn dắt bởi nhóm tiện ích, và công nghệ thông tin. Các tin tức trong và ngoài nước đang hỗ trợ cho tâm lý tích cực của thị trường. Cụ thể, thông tin PVN được giao quyền đã có tác động tích cực khiến nhóm dầu khí có tuần tăng mạnh (các cổ phiếu dầu khí thuộc nhóm ngành lớn Tiện ích). Bên cạnh đó, khối ngoại có xu hướng mua ròng trong tuần có thể đến từ việc kì vọng FED hạ lãi suất trong năm tới, cũng góp phần khiến chỉ số "dễ thở" trong tuần giao dịch cuối năm dương lịch.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,784.49 điểm (+54.69 điểm; +3.69%) với thanh khoản giảm nhẹ. Nhìn chung thị trường vẫn trong xu hướng tăng nhưng có sự phân hóa rõ nét khi dòng tiền chủ yếu tập trung vào một vài nhóm cổ phiếu có câu chuyện đặc biệt. Vùng điểm gần 1,800 có thể sẽ có rung lắc trong ngắn hạn khi chỉ số đã điều chỉnh 3 lần trước đây nếu tính từ tháng 10

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn có thể tham gia với nhóm cổ phiếu có tín hiệu tăng mạnh trên MA 20 như nhóm ngân hàng, tuy nhiên tỷ trọng nên duy trì thấp khi áp lực bán có thể xuất hiện tại gần đỉnh. Với nhà đầu tư trung hạn, những nhịp giảm về vùng gần 1,720 là cơ hội giải ngân tốt, có thể hướng đến nhóm công nghệ thông tin, hoặc thép khi nhóm này đang trong nhịp tích lũy tốt

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,784	3.2	5.5	7.4	40.9		17.2	2.1	312
Upcom Index	121	1.4	1.7	10.5	27.3		12.6	1.3	25
HNX Index	249	-0.7	-4.3	-8.9	9.4		21.5	1.4	15
VN30 Index	2,031	3.3	5.5	9.0	51.0		17.2	2.4	215
S&P 500 Index	6,896						27.5	5.5	61,257
STOXX Europe 600 Index	592	0.5	2.7	6.0	16.6		16.9	2.4	18,010
Hang Seng	25,631	-0.7	-0.9	-4.6	27.8		12.9	1.4	4,003
Nikkei 225	50,339	-0.8	-0.3	10.0	26.2		22.2	2.5	5,524
SHCOMP Index	3,969							1.6	8,995
STI Index	4,646	0.2	2.7	8.0	22.7		14.0	1.5	539
KOSPI Index	4,214	2.0	5.5	18.7	75.6		18.2	1.3	2,344

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất

Bấm vào hình hoặc quét QR

1. Thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng – khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới

Ngày 8/10/2025 (theo giờ Hà Nội), FTSE Russell công bố thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí chính thức và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Trước đó, hệ thống Công nghệ thông tin mới (Hệ thống KRX) đã được vận hành thông suốt, an toàn, ổn định kể từ ngày 5/5/2025

2. Ngày 9/4 (giờ Hà Nội), mức thuế 46% mà Mỹ áp dụng lên hàng hóa nhập khẩu Việt Nam chính thức có hiệu lực

Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên giao dịch chấn động ngày 3/4/2025 được các nhà đầu tư gọi là Phiên thứ Năm đen tối (Black Thursday) khi lực bán ồ ạt xuất hiện ngay từ đầu phiên, khiến VN-Index đóng cửa ở dưới 1,230 điểm, giảm gần 7% - mức giảm sâu nhất lịch sử hình thành thị trường.

3. Tái khởi động làn sóng IPO và thị trường sơ cấp đang nóng lên

TTCK Việt Nam giai đoạn cuối năm 2025 chứng kiến sự sôi động khi hàng loạt doanh nghiệp lớn khởi động kế hoạch IPO và niêm yết. Tâm điểm của diễn biến này là thương vụ IPO kết hợp niêm yết của Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCX) và Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank (VPX).

4. TTCK lập kỷ lục về điểm số và thanh khoản

VN Index khép lại phiên giao dịch ngày 31.12 với mức tăng 17,6 điểm, lên 1,784 điểm. Hồi đầu năm 2025, VN Index khởi đầu ở mức 1,266 điểm. Như vậy, với điểm số kết năm 2025 là 1,784 điểm, chỉ số này ghi nhận mức tăng gần 518 điểm, tương ứng mức tăng hơn 40%.

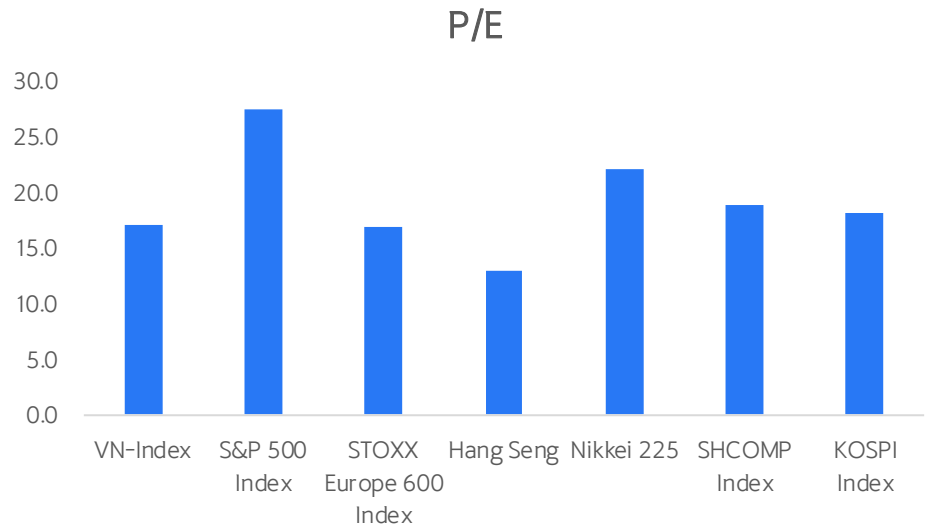
WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

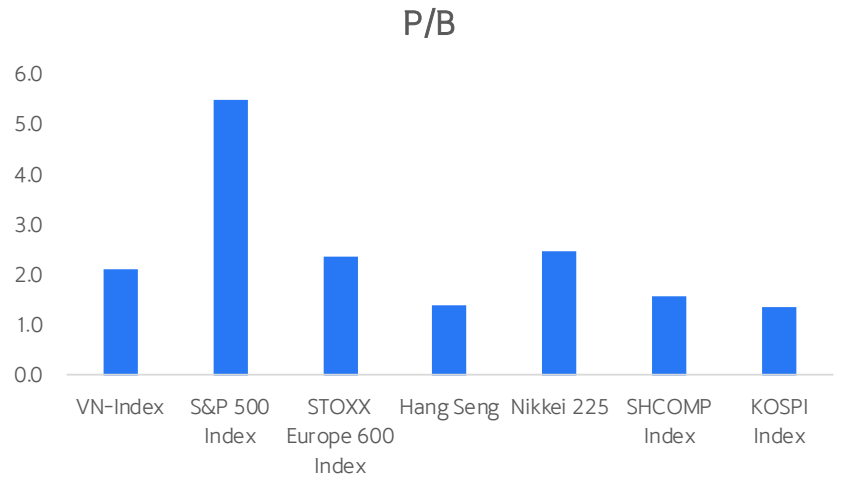
					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.2	7.8	14.5	60.5	6.2	4.9	-17.4	-16.2	51.5	-1.6	18.7	2.6	7,430,663
Mid Cap	-0.6	-1.9	-5.1	2.5	24.0	17.4	-10.7	-18.5	27.5	3.2	16.2	1.4	542,606
Small Cap	-0.2	-1.5	-1.5	5.6	1.4	-2.1	-14.7	-9.8	21.0	-1.6	21.2	0.7	66,611

Theo ngành

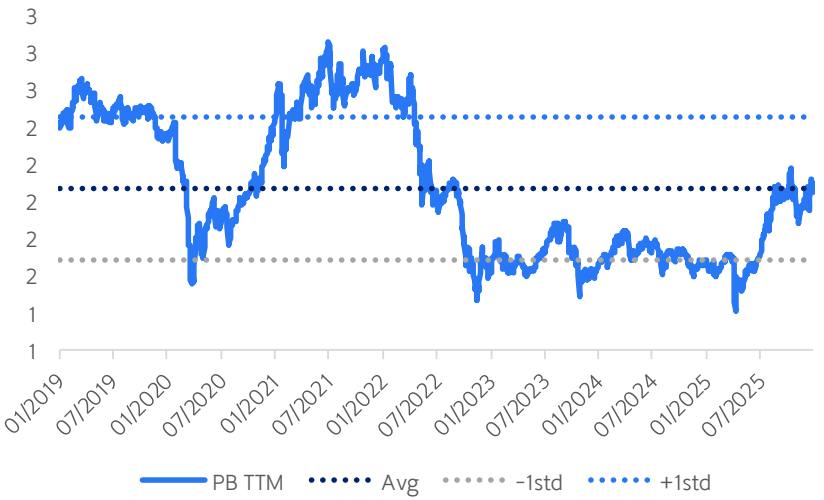
					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tiện ích	5.5	7.1	11.0	7.7	61.5	25.8	-4.7	-12.9	6.3	2.0	20.5	2.1	314,127
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	4.9	2.1	13.8	58.1	31.0	39.5	5.5	18.3	13.8	2.3	21.0	2.7	274,335
Công nghệ Thông tin	2.3	-0.6	2.1	-25.8	-10.2	-18.7	-41.6	-40.2	5.9	-1.3	20.9	4.4	180,015
Dược và Y tế	2.1	2.8	1.8	0.2	-2.1	-18.2	-21.2	11.4	2.9	-0.3	18.6	2.3	40,453
Hóa chất	1.5	-6.5	-6.1	-16.1	-23.6	-4.2	5.0	-16.8	4.7	-2.0	16.6	1.7	194,176
Bảo hiểm	1.3	7.8	3.1	8.2	49.5	26.1	26.5	3.0	0.2	0.1	16.7	1.7	55,348
Bán lẻ	0.8	8.0	14.6	33.8	0.4	-30.0	-49.3	-46.3	2.0	-0.2	35.8	4.5	174,017
Dầu khí	0.2	4.4	4.7	129.6	-12.9	28.1	7.5	6.1	0.8	-0.2	40.1	1.7	141,229
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2	0.8	7.3	-7.3	1.6	-18.6	-28.6	-54.3	0.4	0.0	12.9	1.7	58,714
Ngân hàng	0.0	2.9	-3.8	23.1	12.7	13.9	3.0	8.7	18.3	0.5	10.9	1.8	2,591,628
Thực phẩm và đồ uống	0.0	-2.3	0.6	4.6	13.9	12.0	5.0	-11.9	4.8	0.2	19.1	2.6	442,275
Bất động sản	-0.2	16.2	45.5	224.7	1.6	-14.1	-46.5	-52.3	6.5	-0.5	44.8	3.7	2,269,622
Tài nguyên cơ bản	-0.6	-0.7	-4.6	12.5	25.7	30.3	15.9	32.5	18.9	2.4	17.0	1.6	245,223
Ô tô & Phụ tùng	-0.7	3.1	-6.6	21.5	-11.7	-15.2	-62.0	-72.9	0.3	-0.1	20.6	1.4	17,745
Xây dựng và vật liệu	-2.1	-4.9	-6.9	13.6	-6.1	-5.8	-35.7	-40.1	6.6	-1.1	6.9	1.6	144,960
Tài chính	-2.2	2.8	20.8	80.5	-3.0	-6.8	-42.0	-60.3	2.6	-0.3	24.9	2.2	372,092
Du lịch và Giải trí	-3.3	-5.3	11.8	183.4	-14.3	-25.4	-40.1	-26.8	5.0	-1.4	29.6	8.2	367,636
Truyền thông	-4.0	0.7	-12.3	-6.7	43.0	-34.0	-38.3	-79.8	0.0	0.0	17.9	1.4	2,744

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg


P/E
30.0
25.0
20.0
15.0
10.0
5.0
0.0
VN-Index
S&P 500 Index
STOXX Europe 600 Index
Hang Seng
Nikkei 225
SHCOMP Index
KOSPI Index


P/B
6.0
5.0
4.0
3.0
2.0
1.0
0.0
VN-Index
S&P 500 Index
STOXX Europe 600 Index
Hang Seng
Nikkei 225
SHCOMP Index
KOSPI Index


28
26
24
22
20
18
16
14
12
10
01/2019
07/2019
01/2020
07/2020
01/2021
07/2021
01/2022
07/2022
01/2023
07/2023
01/2024
07/2024
01/2025
07/2025
PE TTM
Avg
-1std
+1std


3
3
3
2
2
2
2
2
1
1
01/2019
07/2019
01/2020
07/2020
01/2021
07/2021
01/2022
07/2022
01/2023
07/2023
01/2024
07/2024
01/2025
07/2025
PB TTM
Avg
-1std
+1std

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	20,370.2	68,828.5	96,225.2
Ấn độ	-290.8	-1,726.6	-431.6	-17,885.0
Indonesia	60.8	732.3	2,244.5	-1,062.9
Nhật Bản*	-7,827.6	-3,814.4	50,052.7	45,693.7
Maylaysia	-99.1	-435.6	-1,353.5	-5,096.6
Hàn Quốc	-825.6	1,849.0	-3,119.2	-4,484.9
Sri Lanka	-0.8	-6.7	-37.5	-127.4
Đài Loan	434.1	-1,630.9	-15,265.8	-7,832.2
Thái Lan	-20.8	190.7	-330.7	-3,211.4
Việt Nam	32.9	52.9	-1,055.6	-4,781.0

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

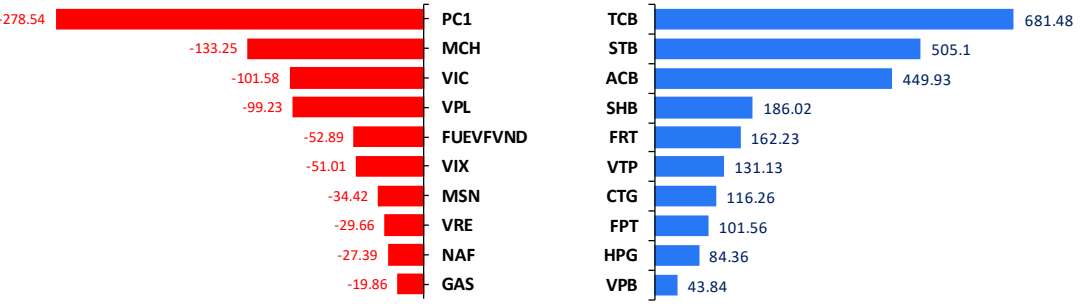
Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,693**	**9.3**	**-63.8**	**-70.4**	**-564.7**
Nước ngoài	**1,867**	**7.4**	**-68.2**	**-77.0**	**-449.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	605	12.0	12.0	11.0	-36.8
Fubon FTSE Vietnam ETF	462	-4.6	-23.2	-67.0	-355.5
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	374	0.0	-1.0	-5.6	-36.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	219	0.0	-56.0	-13.9	-10.0
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	-1.6	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**826**	**1.9**	**4.4**	**6.6**	**-115.2**
DCVFMVN Diamond ETF	508	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	248	1.3	3.2	4.9	-104.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	1.1	1.7	-3.2
MAFN VN30 ETF	34	0.0	-0.5	-1.0	-6.4
SSIAM VNX50 ETF	6	0.3	0.3	0.3	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.3	0.2	0.6	-0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

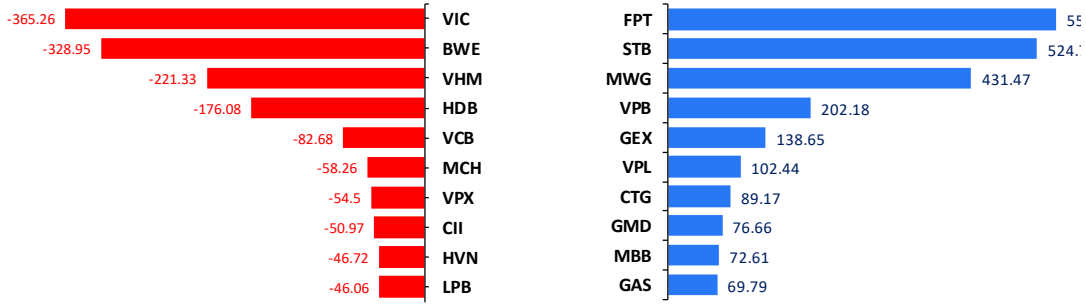
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

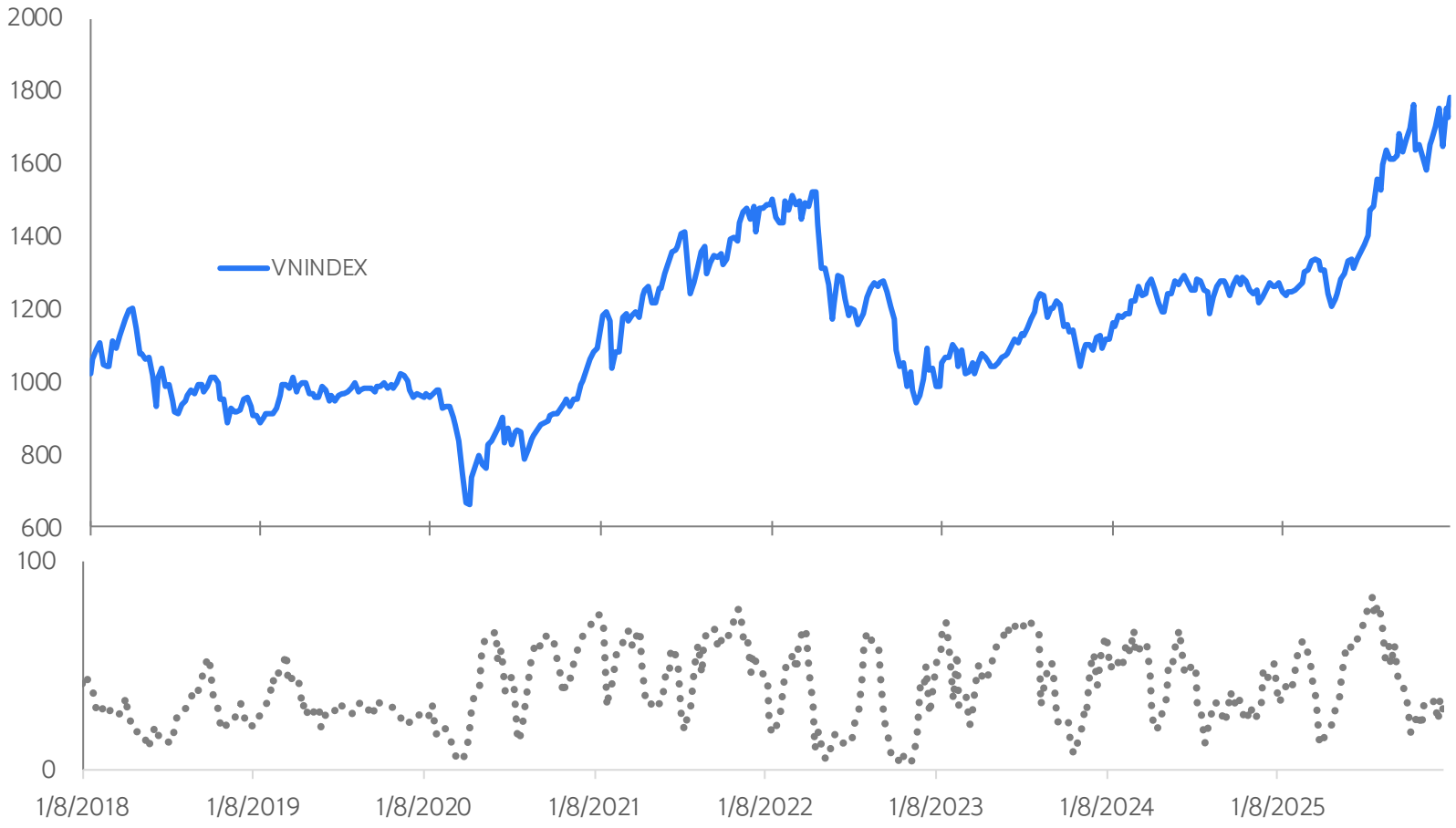
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-138	-427	-22	449
Tài nguyên Cơ bản	86	30	-179	149
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệ	140	194	-441	247
Y tế	-2	6	3	-10
Hóa chất	-7	6	11	-16
Dịch vụ tài chính	-96	214	-231	17
Du lịch và Giải trí	0	-7	448	-441
Ngân hàng	2,014	763	-203	-560
Xây dựng và Vật liệu	-271	-13	163	-151
Thực phẩm và đồ uống	-171	-21	242	-221
Bán lẻ	186	457	-361	-96
Điện, nước & xăng dầu khí	-19	-235	-110	345
Hàng cá nhân & Gia dụng	7	-5	-3	8
Công nghệ Thông tin	125	553	-379	-174
Ô tô và phụ tùng	1	4	-19	15
Bảo hiểm	0	9	-30	22
Dầu khí	-3	-43	-1	43
Tổng	1,851	1,485	-1,112	-372

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần


2000
1800
1600
1400
1200
1000
800
600
VNINDEX
100
0
1/8/2018
1/8/2019
1/8/2020
1/8/2021
1/8/2022
1/8/2023
1/8/2024
1/8/2025

WEEKLY SNAPSHOT
Xu hướng kĩ thuật

Shinhan Securities

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân&gia dụng			
Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term
SHB	49	Neutral	Neutral	DXG	40	Weak	Weak	BVH	56	Strong	Strong	HPG	46	Neutral	Neutral	GEX	49	Neutral	Neutral
MBB	58	Neutral	Strong	NVL	43	Weak	Weak	BMI	34	Weak	Weak	NKG	38	Neutral	Weak	VSC	38	Weak	Weak
HDB	77	Too hot	Strong	DIG	30	Weak	Weak	BIC	52	Strong	Strong	HSG	40	Neutral	Weak	PVT	50	Neutral	Neutral
VPB	50	Neutral	Neutral	VRE	55	Strong	Neutral	VIX	41	Neutral	Weak	SMC	47	Neutral	Neutral	GMD	51	Neutral	Neutral
MSB	46	Neutral	Neutral	PDR	35	Weak	Weak	SSI	48	Neutral	Neutral	CII	31	Weak	Weak	HAH	46	Neutral	Weak
TCB	55	Strong	Neutral	VIC	70	Too hot	Strong	VND	50	Neutral	Neutral	HHV	41	Weak	Weak	GEE	72	Too hot	Strong
EIB	44	Neutral	Weak	KDH	41	Neutral	Weak	VCI	52	Neutral	Neutral	VCG	33	Weak	Weak	VOS	40	Weak	Weak
ACB	45	Neutral	Neutral	VHM	66	Too hot	Strong	HCM	42	Neutral	Neutral	PC1	56	Neutral	Strong	APH	43	Weak	Neutral
TPB	51	Neutral	Neutral	TCH	38	Weak	Weak	TCX	53	Neutral	Neutral	FCN	39	Weak	Weak	VTP	47	Neutral	Weak
STB	64	Too hot	Strong	KBC	57	Strong	Neutral	ORS	38	Neutral	Weak	VGC	45	Neutral	Weak	SBG	52	Neutral	Strong
CTG	59	Neutral	Strong	HDG	34	Weak	Weak	VDS	39	Neutral	Weak	DPG	27	Weak	Weak	REE	35	Neutral	Weak
VIB	44	Neutral	Neutral	HDC	30	Weak	Weak	FTS	47	Neutral	Neutral	CTD	44	Neutral	Weak	PAC	39	Neutral	Weak
SSB	50	Neutral	Neutral	NLG	35	Weak	Weak	CTS	41	Weak	Weak	CTR	49	Neutral	Neutral	TV2	39	Weak	Weak
VCB	47	Neutral	Neutral	DXS	40	Weak	Weak	BSI	40	Neutral	Weak	HT1	63	Strong	Strong	TCM	36	Neutral	Weak
NAB	48	Neutral	Neutral	NTL	59	Strong	Neutral	TCI	56	Strong	Neutral	CTI	42	Neutral	Weak	TLG	44	Weak	Neutral
OCB	43	Neutral	Weak	SIP	45	Neutral	Weak	TVB	43	Neutral	Weak	BMP	54	Neutral	Strong	PNJ	70	Strong	Strong
BID	58	Neutral	Neutral	SZC	40	Neutral	Weak	DSE	50	Neutral	Neutral					MSH	32	Neutral	Weak
LPB	35	Weak	Weak	BCM	41	Neutral	Weak												

Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí và điện nước				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch&giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term	Ticker	RSI	Short term	Medium term
FPT	51	Neutral	Neutral	PVD	63	Strong	Strong	MSN	52	Neutral	Neutral	YEG	42	Neutral	Weak	VPL	53	Neutral	Strong
SAM	73	Too hot	Strong	BSR	54	Strong	Neutral	VNM	46	Neutral	Neutral	DCL	62	Strong	Strong	VJC	58	Strong	Strong
ELC	71	Strong	Strong	PLX	53	Neutral	Neutral	DBC	46	Neutral	Neutral	DBD	42	Neutral	Weak	HVN	30	Weak	Weak
CMG	42	Neutral	Weak	POW	55	Neutral	Strong	BAF	73	Strong	Strong	TNH	44	Neutral	Weak	SCS	32	Weak	Weak
MWG	64	Strong	Strong	NT2	59	Neutral	Neutral	SAB	49	Neutral	Neutral	JVC	30	Weak	Weak	VNG	72	Too hot	Strong
DGW	41	Weak	Weak	GAS	68	Too hot	Strong	ANV	33	Weak	Weak					HAX	40	Neutral	Neutral
PET	61	Strong	Strong	GEG	74	Strong	Strong	VHC	53	Neutral	Neutral					DRC	41	Neutral	Weak
FRT	56	Neutral	Neutral	PPC	40	Neutral	Neutral	MCH											

Danh sách theo dõi						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	FPT	95.8	112	96	16.9%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
2	PLX	35.3	38.5	34.4	9.1%	Thanh khoản cải thiện cùng với giá tăng mạnh, xác định xu hướng tăng. Nhóm dầu khí nhìn chung đang được chú ý bởi dòng tiền lan tỏa tốt
3	HPG	26.4	30.5	27	15.5%	Triển vọng 2026 tích cực với thép HRC. Khối ngoại có nhiều phiên mua ròng mạnh. Giá hình thành nền tích lũy chặt

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SVD	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.91 - 7.48	4.5	-18.5%
2	CII	Xây dựng và Vật liệu	9.21 - 31.35	20.9	-10.1%
3	FIR	Bất động sản	5.05 - 9.70	7.2	-9.4%
4	SHI	Tài nguyên Cơ bản	13.33 - 28.71	14.5	-9.4%
5	HID	Xây dựng và Vật liệu	2.33 - 11.90	6.3	-9.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
27.7%	8.7	4.13 - 9.50	Tài nguyên Cơ bản	TNT
24.4%	10.7	2.89 - 16.45	Thực phẩm và đồ uống	DAT
18.7%	21.6	8.90 - 26.95	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTB
17.5%	245.5	25.08 - 245.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	GEE
14.7%	21.6	12.50 - 72.50	Hóa chất	HRC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	INC	Xây dựng và Vật liệu	16.00 - 29.20	16.0	-18.4%
2	SPC	Hóa chất	7.80 - 11.30	7.8	-17.9%
3	QTC	Xây dựng và Vật liệu	14.30 - 38.80	29.0	-15.0%
4	VTC	Công nghệ Thông tin	6.50 - 32.70	12.9	-14.6%
5	FID	Bất động sản	1.30 - 2.40	1.8	-14.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
23.3%	18.5	10.50 - 19.00	Xây dựng và Vật liệu	TV3
23.1%	24.0	16.60 - 24.00	Xây dựng và Vật liệu	VIT
17.3%	23.1	9.65 - 25.40	Bất động sản	HLD
16.7%	14.0	11.50 - 20.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
12.6%	35.8	21.60 - 37.00	Dầu khí	PVB

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TRT	Xây dựng và Vật liệu	3.60 - 13.50	3.6	-39.0%
2	X26	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.00 - 27.00	15.0	-38.0%
3	GND	Xây dựng và Vật liệu	23.00 - 41.10	25.0	-30.2%
4	DNL	Tiêu dùng không thết yếu	16.60 - 40.00	24.6	-25.9%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	15.00 - 30.20	18.6	-25.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.0%	14.4	3.70 - 18.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DAS
37.5%	66.0	33.00 - 70.00	Xây dựng và Vật liệu	CNN
34.1%	22.8	6.50 - 26.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAU
34.1%	30.3	11.20 - 33.70	Du lịch và Giải trí	HES
33.1%	20.9	8.10 - 29.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BNW

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	THG	XD Tiền Giang	Xây dựng và Vật liệu	1,199.1	292.2	46.6	3.65 - 5.73	7.3
2	TCL	Tan Cang Logistics	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,202.5	290.3	34.1	31.55 - 44.95	-1.6
3	GAS	PV Gas	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	192,164.6	219.8	72.4	49.32 - 75.80	9.5
4	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	3,699.3	219.8	17.8	13.52 - 19.90	3.5
5	PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	31,578.1	170.7	58.5	39.00 - 69.00	3.9
6	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	8,534.7	170.1	17.3	15.20 - 21.85	-2.5
7	SAM	SAM Holdings	Công nghệ Thông tin	3,383.6	170.0	8.0	5.59 - 10.95	5.3
8	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20,158.1	166.4	47.4	38.00 - 54.30	10.4
9	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	17,937.5	160.1	38.0	33.60 - 53.10	2.7
10	DPG	Tập đoàn Đạt Phương	Xây dựng và Vật liệu	24,950.2	143.3	37.5	26.38 - 51.50	-8.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

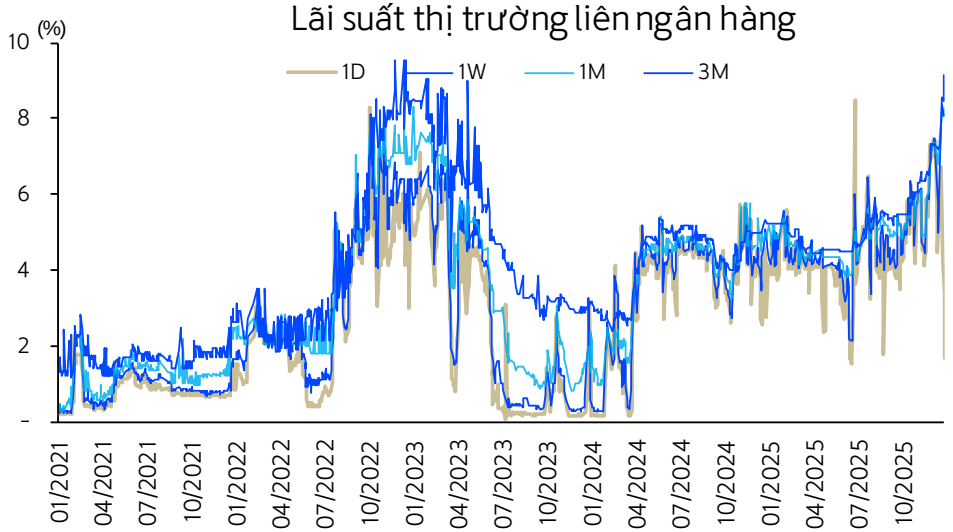
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	98.39	0.5	-1.1	0.6	-9.3	
VND/USD	26,298	-0.1	-0.3	-0.5	3.2	
KRW/USD	1,439.75	-2.8	-1.9	2.6	-2.2	
JPY/USD	156.61	0.4	0.7	5.9	-0.4	
EUR/USD	0.85	0.4	-1.0	0.0	-11.7	
SGD/USD	1.29	0.2	-0.8	-0.3	-5.8	
CNY/USD	6.99	-0.4	-1.2	-1.9	-4.3	

Hàng hóa

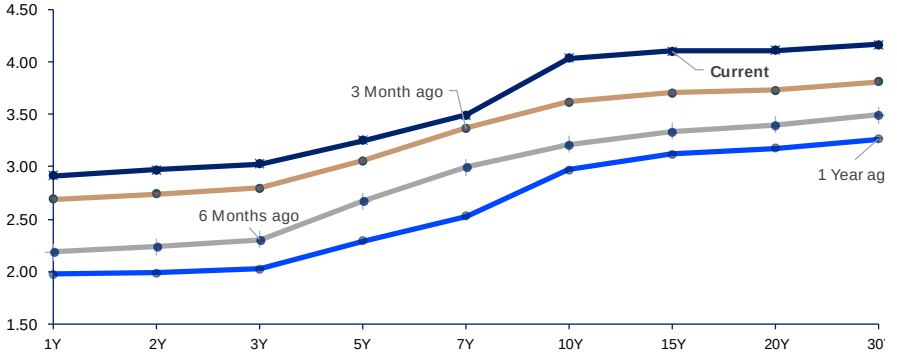
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	57.84	-0.9	-1.2	-7.3	-19.4	
Xăng	171.62	-1.5	-9.5	-13.0	-14.3	
Gas	3.81	-13.5	-21.4	15.4	4.9	
Than	106.65	-1.5	-4.0	0.4	-14.9	
Vàng	4,314.42	-3.7	1.9	11.8	64.4	
Bạc	71.99	0.2	24.2	54.3	149.1	
Platinum	2,027.90	-10.1	21.7	28.7	123.4	
Quặng sắt	107.13	0.2	2.2	1.7	3.4	
Thép cán	3,270.00	-0.1	-0.8	-3.3	-5.8	
Lúa mì	508.50	-1.6	-4.2	0.1	-7.8	
Ngô	439.50	-1.8	0.9	5.8	-4.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.92	2.97	3.03	3.25	3.50	4.04	4.11	3.71	3.34
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	1.90	0.30	2.70	3.20	3.00	3.30

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền Ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.